

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/12/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Phước Lộc**

Bà **Nguyễn Thị Thu Ba**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hồng Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Văn Thái** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2021/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57A/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Mai Thị Ph**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu phố 4, phường AT, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **Đỗ Hồng P**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu phố 4, phường AT, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mai Thị Ph trình bày:

Vào năm 2005 bà và ông Đỗ Hồng P tự nguyện tìm hiểu quen biết nhau và về chung sống vợ chồng cũng từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NL, huyện NS, tỉnh TH ngày 12/7/2005. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng cùng sống tại xóm 4, xã NL, huyện NS, tỉnh TH từ năm 2005, đến khoảng năm 2014 thì vợ chồng và 02 con vào sinh sống tại khu phố 4, thị trấn AT, huyện PQ (nay là phường AT, TP. PQ), tỉnh Kiên Giang cho đến nay. Thời gian vợ chồng sinh sống tại xóm 4, xã NL, huyện NS, tỉnh TH thì không xảy ra

mâu thuẫn gì. Đến khi vợ chồng chuyển vào sinh sống tại khu phố 4, thị trấn AT, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang thì mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thời gian xảy ra mâu thuẫn kể từ khoảng cuối năm 2016, do tính tình đôi bên không hợp, không cùng quan điểm sống, thỉnh thoảng có sự cãi vã, sau đó vợ chồng không nói chuyện với nhau. Cũng từ thời gian này vợ chồng đã sống ly thân nhau cho đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì bố mẹ ruột của bà Ph cũng sinh sống tại phường AT có động viên, khuyên giải vợ chồng nhưng không được. Bố mẹ chồng ở ngoài quê có điện thoại vào khuyên giải thời gian đầu 02 vợ chồng có mâu thuẫn, sau đó thì không khuyên nữa, do biết có khuyên cũng không có kết quả, mà để vợ chồng tự giải quyết. Còn anh, chị em ruột của bà Ph cũng ở tại AT biết rõ sự việc mâu thuẫn của vợ chồng bà và có khuyên bảo nhưng cũng không có kết quả gì. Chuyện tình cảm vợ chồng bà mâu thuẫn kiểu lạnh nhạt, mặc dù có cãi vã, sau đó không ai quan tâm đến ai, chớ không có đánh lộn hay bạo lực gia đình to tiếng nên chính quyền địa phương cũng không hay biết.

Nay bà xác định là giữa bà và ông P không còn tình cảm vợ chồng, cả hai đã thật sự lạnh nhạt từ lâu, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai, không thể nào hàn gắn lại được nữa. Bà muốn được ly hôn với ông P để cả hai được tự do, có cuộc sống riêng của mỗi người, không ai can thiệp vào đời sống của ai nữa.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có với nhau 02 người con chung tên Đỗ Thị Yến Nh, sinh ngày 04/02/2009 và Đỗ Thị Thanh Nh, sinh ngày 02/5/2013. Các con chung đang sống với bà tại khu phố 4, phường AT, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang. Bà yêu cầu được giành quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi các con cùng bà.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu tòa án giải quyết mà để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn Đỗ Hồng P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông thống nhất với lời trình bày của bà Mai Thị Ph về việc vợ chồng tự nguyện quen biết nhau vào năm 2005 và tiến tới hôn nhân, có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NL, huyện NS, tỉnh TH, sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống tại xóm 4, xã NL, huyện NS, tỉnh TH từ năm 2005, thời gian này vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến khoảng năm 2014 thì vợ chồng và 02 con vào sinh sống tại khu phố 4, thị trấn AT, huyện PQ (nay là phường AT, thành phố PQ), tỉnh Kiên Giang cho đến nay.

Trong khoảng thời gian chung sống tại khu phố 4, phường AT, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang, vợ chồng có xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là vào khoảng tháng 4/2021, có một lần bà Ph đi chơi đêm đến 03 giờ sáng, cũng từ đó vợ chồng dần lạnh nhạt tình cảm, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2021 cho

đến nay, hiện nay ông không còn tình cảm vợ chồng với bà Ph, nên ông yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chỉ có 02 đứa con chung tên Đỗ Thị Yên Nh, sinh ngày 04/02/2009 và Đỗ Thị Thanh Nh, sinh ngày 02/5/2013 đúng như bà Ph trình bày, các con chung hiện đang sống cùng bà Ph. Các con chung đã lớn trên 7 tuổi nên có nguyện vọng sống cùng ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, ông đồng ý để tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu 02 con chung theo bà Ph thì ông không phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà Ph. Nếu như 02 con có nguyện vọng sống cùng ông thì ông không yêu cầu bà Ph cấp dưỡng nuôi con cùng ông.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Tại Pên tòa, bà Mai Thị Ph giữ nguyên ý kiến trình bày nêu trên.

Tại phiên tòa, ông Đỗ Hồng P giữ nguyên ý kiến trình bày nêu trên và yêu cầu tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa hôm nay nhận thấy, hôn nhân giữa bà Mai Thị Ph và ông Đỗ Hồng P là hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng bà Ph và ông P xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, mặc dù được người thân khuyên giải và động viên vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2021, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể nào sống chung được nữa. Tại phiên tòa bà Ph giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với ông P, đề cả hai có được cuộc sống riêng của mỗi người. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ph xin được ly hôn với ông P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Bà Ph và ông P có hai con chung là cháu Đỗ Thị Yên Nh, sinh ngày 04/02/2009 và cháu Đỗ Thị Thanh Nh, sinh ngày 02/5/2013, bà Ph yêu cầu được nuôi 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và theo

nguyện vọng của cháu Nhi và cháu Nhài muốn được tiếp tục sống cùng bà Ph, đây là sự tự nguyện của các cháu không ai ép buộc, là có cơ sở chấp nhận. Do đó, cần chấp nhận giao cháu Đỗ Thị Yên Nh và cháu Đỗ Thị Thanh Nh cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng bà Ph.

Về tài sản chung: Bà Ph và ông P không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về nợ chung: Bà Ph và ông P cam kết không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại Pên tòa, kết quả tranh tụng tại Pên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Mai Thị Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với bị đơn ông Đỗ Hồng P. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”.

Bị đơn ông Đỗ Hồng P có địa chỉ cư trú tại địa bàn thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Ph và ông Đỗ Hồng P tự nguyện tìm hiểu về chung sống vợ chồng từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NL, huyện NS, tỉnh TH ngày 12/7/2005, nên đây được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian vợ chồng bà Ph, ông P chung sống tại xóm 4, xã NL, huyện NS, tỉnh TH từ năm 2005 đến năm 2014 thì không xảy ra mâu thuẫn gì, đến khi vợ chồng và 02 con chuyển vào sinh sống tại khu phố 4, thị trấn AT, huyện PQ (nay là phường AT, TP. PQ), tỉnh Kiên Giang sinh sống vào năm 2014, cho đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường phát sinh cãi vã, sau đó dẫn đến sự lạnh nhạt, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai, mặc dù đã được người thân gia đình hai bên động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả. Bà Ph cho rằng vợ chồng đã chính thức sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay, còn ông P cho rằng vợ chồng chỉ mới sống ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị Ph và ông Đỗ Hồng P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đến nay thì không còn sự quan tâm, yêu thương chăm sóc và

giúp đỡ nhau trong cuộc sống, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng thêm lạnh nhạt, mặc dù đã được người thân gia đình động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa, bà Ph vẫn giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với ông P, vì bà cho rằng bà không thể nào tiếp tục chung sống với ông P được nữa, do tình cảm vợ chồng đã không còn, còn ông P yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề hôn nhân của ông theo quy định của pháp luật.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Ph đối với ông P là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà Ph được ly hôn với ông P.

[2.2]. Về con chung: Bà Ph và ông P cùng xác nhận vợ chồng có với nhau được 02 người con chung tên là Đỗ Thị Yến Nh, sinh ngày 04/02/2009 và Đỗ Thị Thanh Nh, sinh ngày 02/5/2013, bà Ph yêu cầu được giành quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng bà, còn ông P trình yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi con chung theo quy định của pháp luật, các con chung có nguyện vọng theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại các biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Đỗ Thị Yến Nh và cháu Đỗ Thị Thanh Nh, các cháu trình bày ý kiến là: sau khi bố mẹ các cháu ly hôn, không sống cùng nhau nữa, các cháu có nguyện vọng sống cùng với mẹ các cháu là bà Mai Thị Ph (BL 23, 24). Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các con chung muốn được sống cùng bà Ph, không bị ai ép buộc. Hơn nữa, các cháu Nhi và Nhài hiện đang trực tiếp sống cùng bà Ph, được bà Ph chăm sóc tốt và lo đầy đủ mọi mặt từ chỗ ăn ở, đến việc học tập đều được đảm bảo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao 02 con chung tên Đỗ Thị Yến Nh, sinh ngày 04/02/2009 và Đỗ Thị Thanh Nh, sinh ngày 02/5/2013 cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông P không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng bà Ph. Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Ph và ông P tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Bà Ph và ông P đều xác nhận vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc về việc giải quyết vụ án là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn bà Mai Thị Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Ph về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” với bị đơn ông Đỗ Hồng P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Ph được ly hôn với ông Đỗ Hồng P.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Đỗ Thị Yến Nh, sinh ngày 04/02/2009 và Đỗ Thị Thanh Nh, sinh ngày 02/5/2013 cho bà Mai Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông Đỗ Hồng P không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng bà Mai Thị Ph.

Tuy nhiên, vì lợi ích mọi mặt của các con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về tài sản chung: Bà Ph và ông P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Ph và ông P xác định không có nợ chung, không yêu cầu tòa án xem xét, nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Mai Thị Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000473 ngày 13/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang. Bà Ph đã nộp xong án phí. Ông Đỗ Hồng P không phải nộp án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. PQ;
- Chi cục THADS TP. PQ;
- UBND xã NL, huyện NS,
tỉnh TH (GCNKH số 17/2005);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Phan Thị Nhung

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa

Dương Tấn Đầu Đinh Quang Tuyền Quách Văn Khánh